TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09/4/2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phùng Minh K**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 136/10 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Bích T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 136/10 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2020 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phùng Minh K trình bày:

Anh K và chị Huỳnh Thị Bích T quen biết và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 152 ngày 17/11/2003.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K và chị T rất ít khi quan tâm chăm sóc cho nhau, chị T không tôn trọng ý kiến của anh K. Bản thân anh K cũng nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để tiếp tục xây dựng gia đình, chăm lo con cái nhưng không được. Anh K và chị T đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị T

Về con chung: Anh K và chị T có 01 người con chung là cháu Phùng Anh H, sinh ngày 05/02/2005. Hiện cháu H đang sống chung với anh K, sau khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Bích T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, anh K trình bày anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Bích T vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97, Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phùng Minh K. Cho anh Phùng Minh K ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T

Về con chung: Giao con chung là cháu Phùng Anh H, sinh ngày 05/02/2005 cho anh Phùng Minh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

Về án phí: Anh Phùng Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phùng Minh K và chị Huỳnh Thị Bích T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 152 ngày 17/11/2003 tại UBND xã B nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh K: Anh K trình bày trong thời gian chung sống anh K và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người rất ít khi quan tâm chăm sóc cho nhau, chị T không chăm lo cuộc sống gia đình. Anh K đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình

Xét thấy chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương Trưởng ấp A, xã B xác nhận chị T và anh K không còn sống chung, về mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do anh K và chị T không có trình báo. Cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong quá trình ly thân anh K và chị T đều không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, Toà án đã mời chị T nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện chị T không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K với chị T.

[4] Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung là cháu Phùng Anh H, sinh ngày 05/02/2005. Xét cháu H đã được anh K chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm anh K và chị T ly thân đến nay. Chị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con chung của anh K gởi đến Toà án. Tại Bản tự khai ngày 30/10/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2021 cháu Phùng Anh H có nguyện vọng được sống chung với anh K. Do đó, yêu cầu của anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Phùng Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Minh K.

1. Về hôn nhân: Anh Phùng Minh K được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Anh H, sinh ngày 05/02/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Bích T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phùng Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006260 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh K đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka